

Bản tin **THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 25/9/2017

TRONG SỐ NÀY:

Trang

TÌNH HÌNH CHUNG.....	2
<i>Thị trường thế giới:</i>	<i>2</i>
<i>Thị trường trong nước:.....</i>	<i>2</i>
TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI THEO NGÀNH HÀNG.....	4
Thị trường cà phê.....	4
Thị trường cà phê thế giới	4
Thị trường cà phê trong nước, giá giảm do nhu cầu suy yếu	5
Tình hình xuất khẩu cà phê.....	6
Dự báo tình hình xuất khẩu trong thời gian tới.....	9
Thị trường chè.....	13
Thị trường trong nước.....	13
Tình hình xuất khẩu.....	13
Triển vọng xuất khẩu.....	16
Tham khảo giá chè thế giới.....	19
Thị trường sản và các sản phẩm từ sản.....	21
Giá sản tăng do tồn kho thấp.....	21
Cơ hội cho xuất khẩu sản.....	24
Thị trường Thủy sản.....	27
Triển vọng xuất khẩu thủy sản 3 tháng cuối năm 2017.....	31
Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020.....	34
THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI.....	36



Thị trường thế giới:

Tuần kết thúc ngày 22/9, giá các mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới chủ yếu bị chi phối bởi các thông tin mùa vụ và tình hình thời tiết tại các nước sản xuất chính. Cụ thể:

- Giá cà phê thế giới tuần qua biến động theo xu hướng tăng trước những thông tin thời tiết không thuận lợi có khả năng ảnh hưởng tới nguồn cung cà phê Robusta tại nước sản xuất cà phê lớn nhất toàn cầu Braxin.

- Giá chè tại Bangladesh tăng tại phiên đấu giá hàng tuần vào ngày 19/9, tăng tuần thứ 4 liên tiếp, do nhu cầu đối với chè chất lượng tăng mạnh.

- Hiện giá sản xuất khẩu của Thái Lan tăng lên mức 180 USD/tấn FOB, do thông tin sản lượng sản của Thái Lan có thể sẽ tiếp tục giảm so với vụ trước, và đồng Bath Thái đang tiếp tục tăng giá so với USD.

- Thủy sản: Sự gia tăng dân số của Trung Quốc, nhất là tăng tỷ lệ dân số thuộc tầng lớp trung lưu (dự kiến đến năm 2022, tầng lớp trung lưu chiếm 54% dân số Trung Quốc), làm gia tăng mạnh nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Tiêu thụ thủy sản ở khu vực thành thị của Trung Quốc hiện đã vượt mức 40 kg/người/năm. Nhiều khả năng đến năm 2020, tiêu thụ thủy sản bình quân ở Trung Quốc sẽ đạt 35,9 kg/người.

Thị trường trong nước:

- Cà phê: Nông dân trồng cà phê tại Việt Nam bắt đầu thu hoạch sớm, bổ sung thêm một lượng cà phê đáng kể vào nguồn cung cà phê trong tháng 9. Mặc dù là

tháng cuối cùng của niên vụ 2016 - 2017, nhưng các giao dịch vẫn trầm lắng do nhu cầu thị trường suy yếu. Giá bán cà phê tại các chợ đầu mối giảm.

9 tháng năm 2017, lượng cà phê xuất khẩu giảm mạnh chủ yếu là do nguồn cung cà phê trong nước giảm bởi niên vụ 2016-2017 bị mất mùa. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng nhẹ nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh. 3 tháng cuối năm 2017, dự báo xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ được cải thiện nhờ đã bắt đầu vào vụ thu hoạch mới.

- Chè: Những tháng cuối năm 2017, kim ngạch xuất khẩu chè của Việt Nam được thúc đẩy nhờ nhu cầu tiêu thụ lớn trên thị trường thế giới và nguồn cung hạn chế.

Mặc dù là thị trường xuất khẩu chè đứng thứ 7 trên thế giới, nhưng đa phần chè Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu sang thị trường dễ tính, chưa nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường yêu cầu chất lượng cao như EU, Mỹ...

- Sắn và sản phẩm từ sắn: Tại các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên ngay tại thời điểm bắt đầu vụ sản xuất 2017 – 2018, giá nguyên liệu sắn tăng mạnh. Hiện tại, giá bán tinh bột sắn được các nhà máy báo đã tăng khoảng 200.000 đồng/tấn so với thời điểm đầu tháng 9/2017.

Lượng sắn và sản phẩm sắn xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2017 đạt 2,5 triệu tấn, trị giá 643,7 triệu USD, tăng 0,3% về lượng nhưng giảm 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016.

Nhu cầu mua sắn lát của thị trường Trung Quốc vẫn có xu hướng tăng, lượng hàng tồn kho của Việt Nam và Thái Lan không nhiều sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu sắn chào hàng với giá cao trong thời gian tới.

- Thủy sản:

Giá tôm nguyên liệu tại Bạc Liêu và Cà Mau tăng, giá cá tra ổn định ở mức cao.

Theo ước tính, tháng 9/2017 kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 750 triệu USD, giảm 10,8% so với tháng trước đó, nhưng tăng 14% so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 5,96 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu thủy sản sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng chậm lại, xuất khẩu sang Đức, Australia giảm.

- Tại cửa khẩu Móng Cái:

+ Sản lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu qua cửa khẩu Móng Cái tuần qua tăng 8% so với tuần trước.

+ Giá một số chủng loại thủy, hải sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc qua cửa khẩu phía Bắc dự báo tăng trung bình từ 6-8% trong giai đoạn từ nay đến tuần đầu tháng 10.

+ Hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường phía Nam Trung Quốc trong tháng 9/2017 tập trung là tinh bột sắn, các loại hạt chất lượng và giá trị cao.

+ Xuất khẩu trái cây vẫn duy trì nhịp độ tăng, mặt hàng có sức thu hút mạnh nhất các đối tác nhập khẩu Trung Quốc là xoài Cát Chu, xoài Hòa Lộc.

+ Xuất khẩu phụ phẩm nông, hải sản các loại được đẩy mạnh đáng kể từ giữa tháng 9/2017 đến nay và có khả năng kéo dài đến hết tháng này.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



- *Giá cà phê trên thị trường thế giới tăng.*
- *Việt Nam bắt đầu thu hoạch cà phê sớm, nhưng giao dịch vẫn trầm lắng do nhu cầu thị trường suy yếu, giá bán cà phê tại các chợ đầu mối giảm.*
- *Cà phê hòa tan là mặt hàng duy xuất khẩu tăng cả về lượng và trị giá trong tháng 8 và 8 tháng năm 2017.*
- *Xuất khẩu cà phê sang thị trường Italia tháng 8/2017 tăng mạnh.*
- *3 tháng cuối năm 2017, dự báo tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ được cải thiện nhờ đã bắt đầu vào vụ thu hoạch mới.*
- *Thị phần nhập khẩu cà phê của Mỹ từ Việt Nam đã tăng lên đạt 10% so với mức 9,0% của tháng 6 tháng năm 2016.*
- *Thị phần cà phê của Braxin và Việt Nam trong tổng nhập khẩu cà phê của Nhật Bản giảm trong 8 tháng năm 2017*

Thị trường cà phê thế giới

Thị trường cà phê thế giới tuần qua đón nhận nhiều thông tin trái chiều. Theo đó, nguồn cung cà phê trên thị trường bắt đầu được bổ sung do nhiều nước bắt đầu bước vào vụ thu hoạch gây áp lực lên giá cà phê. Tuy nhiên, thông tin về yếu tố thời tiết không thuận lợi có khả năng ảnh hưởng tới nguồn cung cà phê Robusta tại nước sản xuất cà phê lớn nhất toàn cầu Braxin lại là yếu tố nâng đỡ giá mặt hàng này. Giá cà phê thế giới tuần kết thúc ngày 22/9 biến động theo xu hướng tăng. Cụ thể:

+ *Tại cảng TPHCM, giá cà phê Robusta theo giá FOB tăng nhẹ 2 USD so với tuần trước, đạt 1.881 USD/tấn.*

+ *Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12 tại NewYork tăng 0,2% so với tuần trước, lên 135,3 UScent/pound. Trong khi đó, giá Robusta kỳ hạn tháng 11 trên sàn London cũng tăng 0,7% so với tuần trước, đạt 1.983 USD/tấn.*

Trong báo cáo mới nhất, Ngân hàng Societe Generale (SocGen) đã giữ nguyên dự báo giá cà phê Robusta và Arabica trong đầu năm 2018, nhưng cho rằng cà phê Robusta đang bị định giá khá thấp. SocGen dự báo giá cà phê Robusta sẽ đạt 1.984 USD/tấn vào đầu năm tới. Mức giá này vẫn cao hơn so với kỳ vọng hiện tại của giới đầu tư. Giá Arabica dự báo đạt 130 UScent/pound vào cùng thời điểm. Theo SocGen, tồn kho cà phê Robusta đang giảm dần vì sản lượng tại các nước sản xuất giảm mạnh. Nếu xét theo yếu tố cung cầu giá Robusta phải tăng mạnh hơn so với giá Arabica vì tình trạng thiếu hụt nguồn cung loại hạt cà phê này nghiêm trọng hơn trong khi nguồn cung Arabica đang dư thừa.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



Thị trường cà phê trong nước, giá giảm do nhu cầu suy yếu

Nông dân trồng cà phê tại Việt Nam bắt đầu thu hoạch sớm, bổ sung thêm một lượng cà phê đáng kể vào nguồn cung cà phê trong tháng 9. Mặc dù là tháng cuối cùng của niên vụ 2016 - 2017, nhưng các giao dịch vẫn trầm lắng do nhu cầu thị trường suy yếu. Giá bán cà phê tại các chợ đầu mối giảm. Cụ thể như sau:

Tại huyện Bảo Lộc – Lâm Đồng, giá cà phê Robusta ở mức 42.500 đồng/kg, giảm 0,7% so với tuần trước; tại huyện Di Linh, giá mặt hàng giảm 1,6%, xuống còn 42.400 đồng/kg; tại huyện Lâm Hà, giá giảm 0,7%, xuống còn 42.400 đồng/kg;

Đáng chú ý, chỉ duy nhất tại huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, giá cà phê Robusta tăng 0,5% so với tuần trước, lên mức 43.500 đồng/kg;

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện ngày 25/9/2017

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Ngày 25/9	So với tuần trước (%)
	Giá thu mua (ĐVT: VND/kg)	
Tỉnh Lâm Đồng		
Bảo Lộc (Robusta)	42.500	-0,7
Di Linh (Robusta)	42.400	-1,6
Lâm Hà (Robusta)	42.400	-0,7
Tỉnh Đắk Lắk		
Cư M'gar (Robusta)	43.300	-0,7
Ea H'leo (Robusta)	43.300	-0,5
Buôn Hồ (Robusta)	43.400	-0,2
Tỉnh Gia Lai		
la Grai (Robusta)	43.200	-0,7
Tỉnh Đắk Nông		
Gia Nghĩa (Robusta)	43.400	-0,5
Tỉnh Kon Tum		
Đắk Hà (Robusta)	43.500	0,5
TP. Hồ Chí Minh		
R1	44.900	-1,1

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

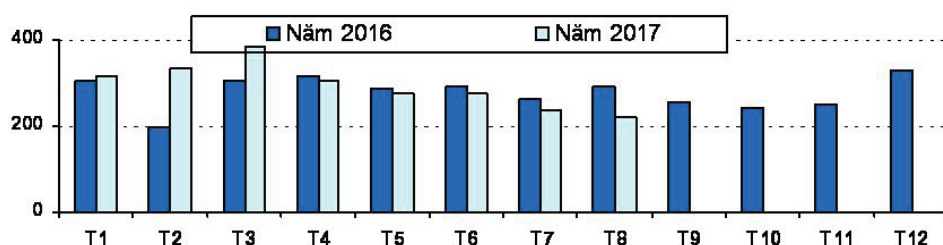


Tình hình xuất khẩu cà phê

Theo ước tính, lượng cà phê xuất khẩu tháng 9/2017 đạt 90 nghìn tấn với trị giá 210 triệu USD, giảm 5,3% về lượng và giảm 5,5% về trị giá so với tháng trước; giảm 30,1% về lượng và giảm 17,8% về trị giá so với tháng 9/2016. Tính chung 9 tháng năm 2017, lượng cà phê xuất khẩu ước đạt 1,115 triệu tấn với trị giá 2,547 tỷ USD, giảm 20,5% về lượng nhưng tăng 1,3% về trị giá so với 9 tháng năm 2016.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2017, sản lượng cà phê xuất khẩu đạt 95 nghìn tấn, kim ngạch đạt 222,2 triệu USD, giảm 5,7% về lượng và giảm 5,9% về kim ngạch so với tháng trước; giảm 37,3% về lượng và giảm 23,9% về kim ngạch so với tháng 8/2016. Trong 8 tháng năm nay, sản lượng cà phê xuất khẩu đạt 1,024 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,337 tỷ USD, giảm 19,5% về lượng nhưng tăng 3,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu cà phê qua các tháng từ năm 2016 đến nay (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

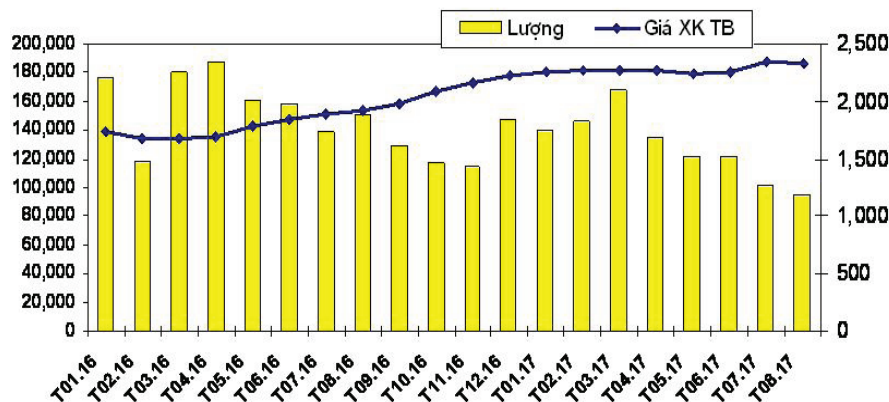
Về diễn biến giá xuất khẩu: Theo ước tính, tháng 9/2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê đạt 2.333 USD/tấn, giảm nhẹ 0,2% so với tháng trước; tăng 17,7% so với tháng 9/2016. Tính chung 9 tháng năm nay, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê ước đạt 2.286 USD/tấn, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Số liệu thống kê thực tế, giá xuất khẩu bình quân cà phê tháng 8/2017 đạt mức 2.338,2 USD/tấn, giảm nhẹ 0,1% so với tháng trước nhưng tăng 21,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 8 tháng năm 2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê đạt 2.281,4 USD/tấn, tăng 28,5% so với 8 tháng năm 2016.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



Lượng và giá xuất khẩu trung bình mặt hàng cà phê qua các tháng năm 2016-2017(ĐVT: Lượng: tấn; Giá XKTB: USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: So với tháng 7/2017, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cà phê trong tháng 8 giảm cả về lượng và trị giá. Cụ thể như sau:

Chủng loại cà phê Robusta, sản lượng xuất khẩu trong tháng 8/2017 đạt 82 nghìn tấn với kim ngạch đạt 176,2 triệu USD, giảm 4,4% về lượng và giảm 4,3% về kim ngạch so với tháng trước; giảm mạnh 41,4% về lượng và giảm 30,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 8 tháng năm nay, sản lượng cà phê Robusta xuất khẩu đạt 902 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1,91 tỷ USD, giảm 21,8% về lượng nhưng tăng 1,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.

Đáng chú ý, cà phê hòa tan là mặt hàng duy xuất khẩu tăng cả về lượng và trị giá trong 8 tháng năm nay, đạt 24 nghìn tấn, kim ngạch đạt 112,2 triệu USD, tăng 41,2% về lượng và tăng 27,2% về kim ngạch.

Chủng loại cà phê xuất khẩu tháng 8 và 8 tháng năm 2017

(ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Trị giá: nghìn USD)

Chủng loại	T8/2017		So với T7/2017(%)		So với T8/2016(%)		8T/2017		So với 8T/2016(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	95	222.204	-5,7	-5,9	37,3	23,9	1.024	2.337.319	-19,5	3,5
Robusta	82	176.201	-4,4	-4,3	-41,4	-30,3	902	1.910.133	-21,8	1,2
Arabica	2	4.904	-47,0	-51,5	-59,9	-60,0	44	123.859	-31,2	-18,0
Cà phê hòa tan	3	14.381	-25,8	-13,8	42,3	41,0	24	112.266	41,2	27,2
Cà phê Excelsa	0,7	173	-42,8	-43,3	-76,5	-73,2	2	4.335	-26,7	-4,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



Về thị trường: Tháng 8/2017, Italia trở thành thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với sản lượng đạt 10,5 nghìn tấn, kim ngạch đạt 23,54 triệu USD, tăng 35,7% về lượng và tăng 36,2% về kim ngạch so với tháng trước. Tính chung 8 tháng năm nay, Italia là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 sau các nước Đức và Mỹ, đạt xấp xỉ gần 90 nghìn tấn, kim ngạch đạt 197,4 triệu USD, giảm 10,3% về lượng nhưng tăng 15,1% về kim ngạch, chiếm 8,4% tỷ trọng, tăng so với 7,6% tỷ trọng trong 8 tháng năm 2016.

Thị trường xuất khẩu cà phê trong tháng 8 và 8 tháng năm 2017 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	T8/2017		So với T7/2017(%)		So với T8/2016(%)		8T/2017		So với 8T/2016(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	95.033	222.204	-5,7	-5,9	-37,3	-23,9	1.024.518	2.337.320	-19,5	3,5
Đức	8.420	19.349	-24,0	-21,6	-68,4	-61,5	157.601	344.314	-22,5	-0,2
Mỹ	9.944	22.415	-10,9	-13,8	-54,1	-46,1	139.559	316.652	-16,9	5,6
Italia	10.517	23.540	35,7	36,2	-13,3	4,7	89.720	197.423	-10,3	15,1
Tây Ban Nha	6.893	15.004	11,2	8,6	-32,6	-21,8	70.755	154.799	-15,3	5,1
Nhật Bản	8.439	20.867	20,9	21,8	-14,9	10,0	64.956	153.810	-13,9	9,3
Bỉ	3.482	7.445	-10,0	-14,3	-35,3	-31,0	48.688	105.334	1,4	22,1
Angiêri	3.333	7.437	-6,7	-6,1	-38,5	-24,9	38.667	84.311	-16,5	8,3
Nga	3.144	9.041	4,4	3,3	-19,0	6,8	29.982	78.436	-29,3	-1,3
Philippin	5.835	11.983	16,8	8,6	64,7	75,0	34.114	73.507	-18,9	-5,9
Ấn Độ	4.075	7.974	-20,8	-21,1	-4,9	13,1	29.549	60.187	-7,0	16,1
Mexico	3.486	7.287	-36,7	-38,3	-28,9	-13,9	27.841	58.103	-26,7	-7,2
Hàn Quốc	2.072	5.137	-39,0	-39,2	-25,1	-5,7	24.358	58.078	22,8	58,2
Trung Quốc	1.588	4.169	-8,9	-8,7	-42,1	-43,5	19.288	55.905	-43,9	-23,9
Thái Lan	4.906	11.064	-11,7	-11,5	-25,3	-10,8	22.501	52.051	-3,6	22,2
Anh	1.029	2.544	-25,5	-19,9	-72,6	-64,8	22.005	50.909	-37,6	-15,6
Pháp	2.271	4.830	-14,3	-14,0	-25,4	-11,1	23.979	50.667	-13,1	10,6
Malaysia	1.145	2.748	230,0	224,1	-60,2	-53,9	13.392	31.177	-41,2	-24,3
Ba Lan	851	2.350	33,6	35,0	-10,3	7,4	9.708	25.626	-7,3	20,6
Hà Lan	488	1.497	-28,8	-10,2	-67,9	-47,9	8.308	20.184	-21,5	6,3
Australia	244	750	-70,8	-61,0	-86,0	-79,1	8.332	19.931	-33,1	-14,4
Bồ Đào Nha	999	2.196	1,6	-1,1	48,9	70,5	8.447	18.676	-10,4	16,1
Ixraen	553	1.970	46,7	0,2	-2,5	90,6	4.435	15.810	-25,9	5,1

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



Thị trường	T8/2017		So với T7/2017(%)		So với T8/2016(%)		8T/2017		So với 8T/2016(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Indonesia	340	1.160	22,7	-33,1	261,7	309,0	5.452	14.673	-67,8	-47,6
Ai Cập	742	1.589	5,2	5,9	71,8	133,1	5.649	11.659	-51,8	-34,0
Canada	424	954	-31,4	-35,4	-32,6	-26,5	4.187	9.775	-12,0	11,6
Rumani	510	1.573	4,7	11,9	22,0	61,3	3.157	9.146	-13,9	20,8
Hy Lạp	401	893	-25,0	-23,7	-7,8	2,0	3.550	7.867	-32,6	-13,7
Singapore	93	394	-21,2	-6,9	-50,5	-37,9	1.607	5.604	8,4	8,5
Nam Phi	86	172	-55,9	-57,0	-90,5	-89,3	1.600	3.389	-81,8	-76,5
New Zealand	6	31	-97,9	-95,0			942	2.181	52,9	125,2
Đan Mạch	126	269	-14,3	-15,9	-14,3	3,3	904	1.956	-37,4	-17,7
Campuchia	25	115	78,6	118,7	-10,7	-11,6	205	883	-10,9	-11,2
Thụy Sĩ	58	129	-24,7	-23,9	-89,0	-86,7	389	867	-86,0	-81,9

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Dự báo tình hình xuất khẩu trong thời gian tới

9 tháng năm 2017, lượng cà phê xuất khẩu giảm mạnh chủ yếu là do nguồn cung cà phê trong nước giảm bởi niên vụ 2016-2017 bị mất mùa. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng nhẹ nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh. Như vậy, mặc dù niên vụ 2016-2017, cà phê Việt Nam bị mất mùa nhưng đây vẫn có thể xem là năm thuận lợi cho xuất khẩu cà phê Việt Nam do sản lượng cà phê toàn cầu giảm. Đặc biệt là mất mùa ở Braxin là tác nhân chính tác động và đẩy giá cà phê toàn cầu tăng lên.

Theo số liệu của Hiệp hội các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Braxin Cecafe, xuất khẩu cà phê của nước này chỉ đạt 2,11 triệu bao (60 kg) trong tháng 8, giảm 21,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu cà phê robusta giảm 31% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 27.347 bao. Xuất khẩu cà phê arabica cũng giảm 21,2% so với cùng kỳ năm ngoái đạt 2.092 triệu bao. Tính chung 8 tháng đầu năm nay, xuất khẩu cà phê của Braxin thấp hơn 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Braxin, chiếm 19,8% tổng xuất khẩu cà phê tháng 8. Đức đứng thứ hai với thị phần là 17,1%.

3 tháng cuối năm 2017, dự báo tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ được cải thiện nhờ đã bắt đầu vào vụ thu hoạch mới. Nông dân tại một số khu vực thu hoạch sớm bởi điều kiện thời tiết thuận lợi giúp cà phê chín nhanh hơn. Hơn nữa, vì lượng cà phê tồn kho từ niên vụ 2016 – 2017 còn rất thấp nên người

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



dân phải thu hoạch sớm để đảm bảo nguồn cung cho các đơn hàng xuất khẩu đã ký kết. Dự kiến, Việt Nam sẽ bước vào vụ thu hoạch cà phê chính từ tháng 10, và với sản lượng cà phê Braxin dự báo thấp hơn kỳ vọng, giá cà phê nhiều khả năng sẽ tiếp tục ở mức cao. Đây sẽ là yếu tố hỗ trợ giá cà phê trên thị trường trong các tháng cuối năm.

Cơ quan quản lý nguồn cung cà phê quốc gia Brazil (Conab) vừa hạ dự báo sản lượng cà phê năm 2017 của nước này xuống còn 44,77 triệu bao, thấp hơn 790.000 bao so với dự báo trước đó. Trong đó, sản lượng cà phê arabica dự báo chỉ đạt 34,07 triệu bao, giảm 1,36 triệu bao so với ước tính ban đầu của Conab. Con số này giảm 22% so với sản lượng của năm 2016. Trong khi đó, Conab nâng dự báo sản lượng cà phê robusta thêm 568.000 bao lên 10,71 triệu bao. Tuy nhiên, đây vẫn là mức sản lượng thấp thứ hai ghi nhận được trong thập kỷ này.

Bên cạnh đó, nhu cầu cà phê cũng được cho là sẽ sôi động vào những tháng cuối năm như thông lệ để phục vụ nhu cầu nghỉ lễ cuối năm tại các thị trường tiêu thụ lớn.

Thị phần cà phê Việt Nam tại Mỹ tăng, tại Nhật Bản giảm

- Mỹ: 3 tháng cuối năm, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Mỹ sẽ phục hồi do nguồn cung trong nước dồi dào hơn. Hiện Mỹ đang là nhà tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới và theo thống kê của Intracent, kim ngạch nhập khẩu cà phê của Mỹ trong 6 tháng năm 2017 đạt 3,3 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 5 về cung cấp cà phê cho Mỹ với kim ngạch tăng 29,8% so với cùng kỳ năm trước. 6 tháng năm 2017, thị phần nhập khẩu cà phê của Mỹ từ Việt Nam đã tăng lên đạt 10% so với mức 9,0% của tháng 6 tháng năm 2016. Trong khi đó, thị phần nhập khẩu cà phê của Mỹ từ một số nước lớn giảm như: từ Braxin, Canada, Indonesia, Costa Rica ...

Thị phần nhập khẩu cà phê từ một số thị trường chính của Mỹ

(ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	6 tháng năm 2017	% so 6 tháng năm 2016	Thị phần (%)	
			6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2016
Côlombia	664.706	23,9	20,0	18,8
Braxin	553.523	9,3	16,6	17,7
Canada	260.539	9,1	7,8	8,4
Goatêmala	199.394	27,4	6,0	5,5
Việt Nam	332.979	29,8	10,0	9,0

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



Thị trường	6 tháng năm 2017	% so 6 tháng năm 2016	Thị phần (%)	
			6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2016
Honduras	211.722	32,5	6,4	5,6
Nicaragua	189.671	18,1	5,7	5,6
Mexico	125.468	23,7	3,8	3,6
Indonesia	164.333	6,6	4,9	5,4
Costa Rica	99.790	-20,6	3,0	4,4
Etiôpia	57.347	22,1	1,7	1,6
Thụy Sĩ	85.490	22,7	2,6	2,4
Pêru	60.140	37,6	1,8	1,5
En Xanvado	38.525	27,2	1,2	1,1
Đức	63.669	4,3	1,9	2,1

Nguồn: Intracent

- Nhật Bản: Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản trong thời gian tới sẽ phục hồi do nhu cầu nhập khẩu của nước này vẫn ở mức cao, nguồn cung cà phê của Việt Nam sẽ dồi dào hơn do đã bắt đầu vào vụ thu hoạch. Theo cơ quan hải quan Nhật Bản, trong 8 tháng năm 2017 nhập khẩu cà phê của Nhật Bản tăng 0,6% về lượng và tăng 11,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016 . 8 tháng đầu năm, nhập khẩu cà phê của Nhật Bản từ Braxin và Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do nguồn cung từ 2 nước này thắt chặt, khiến thị phần nhập khẩu từ 2 thị trường này giảm so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, thị phần cà phê của Braxin và Việt Nam 8 tháng năm 2017 giảm xuống chỉ còn chiếm lần lượt 14,4% và 10,7% trong tổng lượng cà phê nhập khẩu của Nhật Bản, từ mức 15,8% và 11,2% cùng kỳ năm 2016. Để bù đắp phần thiếu hụt, Nhật Bản tăng nhập khẩu cà phê từ Indonesia và Ethopia.

Nguồn cung cà phê cho Nhật Bản tháng 8 và 8 tháng 2017

Đơn vị tính: Lượng: nghìn tấn, trị giá: triệu Yên

Nguồn cung	Tháng 8/2017		So với tháng 8/2016		8 tháng 2017		So với cùng kỳ 2016	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Braxin	10.156	3.562	47,2	68,1	85.172	31.784	-13,6	-5,7
Việt Nam	8.781	2.206	-17,5	7,3	63.146	16.148	-9,5	20,7
Colombia	4.382	1.770	-13,5	-2,9	46.526	20.382	2,5	21,7

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ



Nguồn cung	Tháng 8/2017		So với tháng 8/2016		8 tháng 2017		So với cùng kỳ 2016	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Guatemala	4.533	2.075	8,7	12,9	25.264	11.655	-13,9	-9,3
Indonesia	2.900	1.047	13,9	57,4	22.494	7.493	12,4	37,5
Ethopia	4.893	1.885	91,5	111,7	19.631	7.656	80,1	89
Tanzania	141	53	-86,3	-84,7	7.694	3.125	-33,2	-20,7
Lào	643	252	140,2	187,1	5.016	2.034	-10,5	19
Nicaragoa	1.012	400	136,4	99,4	4.348	1.746	67,6	64,8
Honduras	546	195	138	116,3	2.557	946	0,6	11,8
Tổng	79.839	30.163	11,1	24,3	590.385	229.501	0,6	11,8

Nguồn: Japan Customs

15 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê đạt kim ngạch lớn nhất trong 8 tháng năm 2017

STT	Tên doanh nghiệp
1	Cty Cp Tập Đoàn Intimex
2	Cty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc
3	CTy CP Intimex Mỹ Phước
4	CTy TNHH OLAM Việt Nam
5	CTy TNHH Thương Phẩm ATLANTIC Việt Nam
6	Cty TNHH Thương Mại Và Chế Biến Louis Dreyfus Company Việt Nam
7	CTy TNHH Sunwah Commodities (Việt Nam)
8	CTy TNHH NEUMANN GRUPPE Việt Nam
9	Cty Cp Xuất Nhập Khẩu Cà Phê Intimex Nha Trang
10	CTy TNHH Nestlé Việt Nam
11	CTy TNHH Vĩnh Hiệp
12	CTy CP Phúc Sinh
13	CTy CP Tổng Cty Tín Nghĩa
14	CTy TNHH Cà phê Hà Lan Việt Nam
15	CTy TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Cát Quế

(Sắp xếp thứ tự theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

THỊ TRƯỜNG CHÈ



- *Thị trường chè nguyên liệu trong nước trong tháng 8/2017 ổn định.*
- *Giá xuất khẩu chè đen và chè xanh 8 tháng 2017 giảm.*
- *Thị phần chè của Việt Nam chỉ chiếm 2,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu chè của Pakixtan trong năm 2016.*
- *56% lượng chè Đài Loan nhập khẩu là từ Việt Nam*

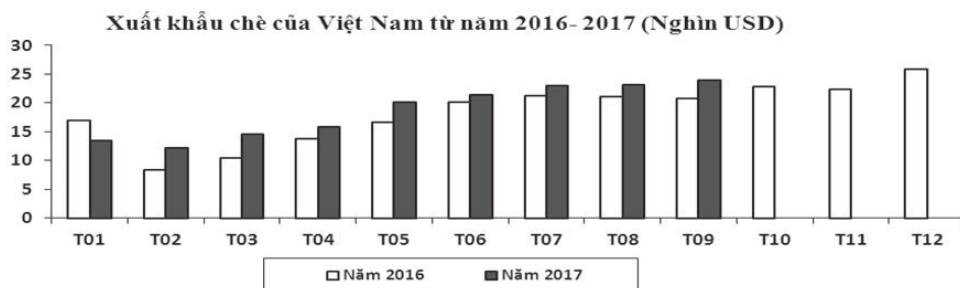
Thị trường trong nước

Sản xuất: Hiện nay, Việt Nam là nước sản xuất chè lớn thứ 7 và xuất khẩu chè lớn thứ 5 trên thế giới với 124.000 ha diện tích trồng chè và hơn 500 cơ sở sản xuất chế biến, công suất đạt trên 500.000 tấn chè khô mỗi năm. Nhiều vùng chè cho năng suất cao và chất lượng tốt, nổi tiếng trong nước như: Tân Cương (Thái Nguyên), Mộc Châu (Sơn La), Bảo Lộc (Lâm Đồng)...

Diễn biến giá cả: Thị trường chè nguyên liệu trong nước trong tháng 8/2017 ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 185.000 đồng/kg, chè xanh búp khô ở mức 135.000 đồng/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh vẫn giữ mức 9.000 đồng/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen tăng 1.000 đồng/kg lên mức 6.000 đ/kg sau khi tăng 1.000 đồng/kg vào tháng trước.

Tình hình xuất khẩu

Theo ước tính, tháng 9/2017 lượng chè xuất khẩu đạt 12 nghìn tấn, trị giá 20 triệu USD, giảm 13,7% về lượng và giảm 13,1% về trị giá so với tháng trước đó, nhưng tăng 2,2% về lượng và tăng 1,2% về trị giá so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng năm, lượng chè xuất khẩu đạt 103 nghìn tấn, trị giá 164 triệu USD, tăng 12% về lượng và tăng 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.



Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 8/2017 Việt Nam đã xuất khẩu 13,899 tấn chè, kim ngạch đạt 23,2 triệu USD, tăng 2,9% về lượng và tăng 1,1% về kim ngạch so với tháng 7/2017. Lũy kế 8 tháng năm 2017, lượng chè

THỊ TRƯỜNG CHÈ



xuất khẩu đạt 90,697 tấn, kim ngạch đạt 143,7 triệu USD, tăng 13,5% về lượng và tăng 12,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2016.

Theo thống kê 56,1% lượng chè xuất khẩu 8 tháng năm 2017 là chè đen, đạt 50.899 tấn, trị giá 67,7 triệu USD, tăng 16,2% về lượng và tăng 13,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Lượng chè xanh xuất khẩu 8 tháng năm đạt 33.988 tấn, trị giá 62,2 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 37,5% trong tổng lượng chè xuất khẩu của cả nước

Chủng loại chè xuất khẩu của Việt Nam tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: Lượng: Tấn; trị giá: 1.000 USD

Chủng loại	Tháng 8/2017		So với tháng 8/2016 (%)		8 tháng năm 2017		So với 8 tháng 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	13.899	23.216	4,9	10,1	90.697	143.664	13,5	12,8
Chè đen	7.224	9.833	2,9	-1,6	50.899	67.763	16,2	13,1
Chè xanh	5.897	11.787	6,9	20,8	33.988	62.256	4,8	3,9
Chè ướp hoa	412	658	-21,9	-15,6	2.606	4.604	9,1	23,5
Chè ô long	72	221	225,5	173,5	319	816	164,5	196,5
Loại khác	294	716	78,5	53,3	2.885	8.225	147,6	135,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Giá chè xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2017 đạt 1.584,0 USD/tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2016. Giá chè tăng chủ yếu do các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu các loại chè khác, trong khi giá xuất khẩu chè đen và chè xanh lại giảm. Theo đó, giá xuất khẩu chè đen 8 tháng năm 2017 trung bình ở mức 1.331 USD/tấn, giảm 2,6% so với mức giá xuất khẩu trung bình cùng kỳ năm trước. Tháng 8/2017, giá xuất khẩu chè đen trung bình ở mức 1.361 USD/tấn. Giá xuất khẩu chè xanh 8 tháng 2017 trung bình ở mức 1.831,7 USD/tấn, giảm 0,8% so với mức giá xuất khẩu trung bình cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu chè xanh tháng 8/2017 trung bình ở mức 1.988,8 USD/tấn.

Về thị trường, Pakixtan, Đài Loan, Nga là các thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017, kim ngạch xuất khẩu chè tới ba thị trường này chiếm tới 51,5% tổng kim ngạch xuất khẩu chè của nước ta.

THỊ TRƯỜNG CHÈ



Trong đó, Pakixtan luôn luôn dẫn đầu thị trường về tiêu thụ chè của Việt Nam, tuy nhiên xuất khẩu chè sang thị trường này giảm cả về lượng và kim ngạch trong 8 tháng năm 2017. Do sản phẩm chè của Việt Nam còn nghèo nàn về chủng loại (chủ yếu là chè đen, chè xanh và chè nguyên liệu), chất lượng, mẫu mã còn chưa hấp dẫn khiến chè Việt Nam vẫn còn thiếu sức cạnh tranh trên thị trường Pakixtan. Mặc dù việc xuất khẩu chè của Việt Nam sang Pakixtan luôn đạt kim ngạch cao, song vẫn chỉ chiếm một phần nhỏ trên tổng lượng chè tiêu thụ tại Pakixtan. Pakixtan chủ yếu nhập khẩu chè từ Kenya (65% tổng kim ngạch nhập khẩu chè), ngoài ra nước này còn nhập khẩu số lượng lớn từ các nước như Bangladesh, Braxin, Ấn Độ, Uganda...

Thị trường xuất khẩu chè của Việt Nam tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: Lượng: Tấn; trị giá: 1.000 USD

Thị trường	Tháng 8/2017		So với tháng 8/2016 (%)		8 tháng năm 2017		So với 8 tháng 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	13.899	23.216	4,9	10,1	90.697	143.664	13,5	12,8
Pakixtan	3.670	8.312	6,2	16,3	18.890	39.898	-14,0	-10,7
Đài Loan	1.979	2.791	47,0	45,9	11.522	18.184	42,3	58,6
Nga	1.818	2.696	29,8	40,7	11.558	15.900	9,8	8,9
Trung Quốc	623	932	-22,6	-57,3	7.248	9.026	41,8	-36,0
UAE	1.206	1.943	104,4	95,7	4.432	6.619	185,8	165,6
Indonesia	998	931	-56,7	-49,4	6.545	5.696	-47,4	-46,7
Mỹ	818	918	62,6	58,5	4.362	5.080	15,1	6,5
Ả Rập Xê út	19	39			933	2.279	13,8	17,4
Ấn Độ	28	20	-94,1	-96,7	1.534	1.807	119,8	102,7
Malaysia	280	266	-6,4	32,3	2.216	1.700	-29,7	-21,1
Ba Lan	125	187	-63,2	-67,1	748	1.245	-30,0	-23,4
Ukraina	197	260	137,3	85,9	774	1.149	37,0	30,8
Thổ Nhĩ Kỳ	31	67	3,3	41,1	426	960	210,9	348,9
Philippin	163	429	232,7	233,4	309	736	-44,2	-49,5
Đức	10	67	-80,4	-73,8	248	715	-49,4	-29,3
Côoét					15	40	-68,8	-51,4

Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG CHÈ



Triển vọng xuất khẩu

Trong những tháng cuối năm 2017, kim ngạch xuất khẩu chè của Việt Nam được thúc đẩy nhờ nhu cầu tiêu thụ lớn trên thị trường thế giới và nguồn cung hạn chế.

- Theo nghiên cứu từ Research and Markets, thị trường chè trên toàn thế giới đạt 24,3 tỷ USD trong năm 2016 và dự kiến đạt 37,5 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng 5% trong giai đoạn 2017-2025. Sự thúc đẩy chính của ngành chè là chiến lược quảng cáo liên tục của các nhà sản xuất chè, nhận thức về lợi ích sức khỏe từ việc tiêu thụ chè lan rộng trên toàn thế giới. Điều này thu hút mọi người bắt đầu uống trà một cách thường xuyên, giúp tăng nhu cầu về các sản phẩm chè trên toàn thế giới. Mức tăng trưởng của ngành chè ngày càng cao do lối sống thay đổi và tăng nhận thức về việc uống chè có lợi cho sức khỏe. Trong thị trường chè, phân khúc chè đen chiếm tỷ trọng lớn nhất và dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh trong giai đoạn dự báo. Phân khúc chè xanh dự kiến cũng tăng trưởng khả quan nhờ nhận thức của người tiêu dùng ngày càng tăng về các sản phẩm có lợi cho sức khỏe và an toàn. Hiện nay, lượng chè xuất khẩu của Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ so với sức tiêu thụ của thế giới. Với nhu cầu tiêu thụ chè toàn cầu ngày càng tăng, xuất khẩu chè của Việt Nam trong thời gian tới vẫn còn nhiều triển vọng.

- Nguồn cung chè thiếu hụt, do thời tiết khô nóng làm giảm sản lượng chè tại các nước sản xuất, xuất khẩu lớn là Kenya và Ấn Độ. Thị trường xuất khẩu chè lớn trên thế giới là Sri Lanka cũng ảnh hưởng bởi những đợt lũ lụt nghiêm trọng gần đây và có thể làm gián đoạn hoạt động xuất khẩu chè của thị trường này.

- Giá chè sẽ tăng mạnh do nguồn cung thiếu hụt, điều này mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt Nam trong ngắn hạn.

Chè Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nhập khẩu của Pakixtan

Với dân số gần 200 triệu người, cùng với văn hóa uống chè truyền thống, tốc độ tăng trưởng về trị giá chè tiêu thụ tại nước này trong giai đoạn 2012-2016 là 7,9%/năm, Pakixtan là một trong những thị trường tiêu thụ chè lớn, đầy tiềm năng tại khu vực Nam Á. Tuy nhiên, thị phần chè Việt Nam vẫn còn quá thấp so với nhu cầu nhập khẩu của Pakixtan. Theo thống kê của Intracent, thị phần chè của Việt Nam chỉ chiếm 2,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu chè của Pakixtan trong năm 2016. Với tiềm năng sản xuất, Việt Nam vẫn còn nhiều cơ hội để khai thác thị trường chè Pakixtan trong thời gian tới.

THỊ TRƯỜNG CHÈ



Nhập khẩu chè của Pakixtan từ một số thị trường chính trong năm 2016

(Mã HS: 0902-0903)

Thị trường xuất khẩu	Trị giá năm 2016	So với trị giá năm 2015	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2015
	Nghìn USD	%	%	%
Tổng nhập khẩu	489.961	7,0	100,0	100,0
Kenya	391.552	16,1	79,9	73,6
Ruanda	32.194	-5,4	6,6	7,4
Ấn Độ	18.249	-23,5	3,7	5,2
Burundi	12.576	-29,7	2,6	3,9
Việt Nam	10.737	32,8	2,2	1,8
CH.Tanzania	7.352	-10,5	1,5	1,8
Uganda	4.544	-20,6	0,9	1,2
Indonesia	3.300	-24,3	0,7	1,0
Trung Quốc	2.891	40,8	0,6	0,4
Etiôpia	2.805	88,8	0,6	0,3
Xri Lanca	1.968	-83,5	0,4	2,6
Bangladet	669	-37,2	0,1	0,2
Cônggô	143	-61,2	0,0	0,1
Malaui	102	-7,3	0,0	0,0
Kazakhstan	68	-77,4	0,0	0,1
UAE	67	-42,7	0,0	0,0
Thị trường khác	744	-39,7	0,2	0,3

Nguồn: ITC

56% lượng chè nhập khẩu của Đài Loan có xuất xứ từ Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, Bộ tài chính Đài Loan, lượng nhập khẩu chè của Đài Loan trong 7 tháng năm 2017 đạt 17 nghìn tấn, tăng 57,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp chè lớn nhất cho Đài Loan, với lượng đạt 9,5 nghìn tấn, tăng 48,4% so với 7 tháng năm ngoái, chiếm tới 56% tổng khối lượng chè nhập khẩu của Đài Loan. Trị giá nhập khẩu chè từ Việt Nam đạt 15,2 triệu USD, tăng 48,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG CHÈ



Nhập khẩu chè của Đài Loan từ một số thị trường chính 7 tháng năm 2017
(Mã HS: 0902-0903)

Thị trường	7 tháng 2017		So với cùng kỳ 2016		Tỷ trọng theo lượng 2017 (%)	Tỷ trọng theo lượng 2016 (%)
	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Trị giá %	Lượng %		
Tổng	43.832	17.026	63,2	57,9	100,0	100,0
Việt Nam	15.211	9.478	48,1	48,4	55,7	59,2
Xri Lanca	10.144	2.701	0	0	15,9	4,0
Nhật Bản	8.474	783	78,6	82,6	4,6	7,4
Indonesia	3.291	1.265	45,4	59	7,4	15,9
Ấn Độ	2.514	1.308	-14,3	-23,9	7,7	11,0
Trung Quốc	1.878	927	-62,1	-21,6	5,4	
Ba Lan	484	37	34,4	46,8	0,2	0,2
Kenya	455	200	140,7	193	1,2	0,6
Anh	442	30	50,3	102	0,2	0,1
Myanmar	326	83	-9,9	-23,2	0,5	1,0
Iran	121	113	384	401,7	0,7	0,2
Thái Lan	93	38	0	0	0,2	
Hàn Quốc	81	5	1057,1	3265,7	0,0	0,0
CH.Tanzania	63	42	0	0	0,2	0,0
Đức	50	3	13,6	6,3	0,0	0,0
Hà Lan	25	1	0	15,8	0,0	0,0
Mỹ	22	1	22,2	151,1	0,0	0,0
Nam Phi	17	1	0	19080	0,0	0,0
UAE	16	2	-5,9	5,4	0,0	0,0
Pháp	15	1	-92,4	-78,1	0,0	0,0
Braxin	14	2	0	11844,4	0,0	0,0
New Zealand	11	0	-21,4	-11,6	0,0	0,0
Italia	10	0	66,7	-4	0,0	0,0

Nguồn: Cục Hải quan, Bộ Tài chính Đài Loan

Thuận lợi trong xuất khẩu là rất lớn, tuy nhiên khó khăn mà doanh nghiệp xuất khẩu chè vẫn đang phải đối mặt là:

Mặc dù là thị trường xuất khẩu chè đứng thứ 7 trên thế giới, nhưng đa phần chè Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu sang thị trường dễ tính, chưa nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường yêu cầu chất lượng cao như EU, Mỹ...

THỊ TRƯỜNG CHÈ



Các nhà sản xuất và xuất khẩu chè Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức về chi phí sản xuất, công nghệ chế biến, tiêu chuẩn chất lượng, quảng bá, xây dựng thương hiệu.

Cách thức trồng, chế biến chè hiện có một số khâu chưa tuân thủ tiêu chuẩn nên rất khó đảm bảo chất lượng.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, bên cạnh thuận lợi về giảm thuế quan thì các doanh nghiệp phải chịu sức ép về hàng rào kỹ thuật, nhất là vấn đề an toàn thực phẩm.

Giải pháp cho mặt hàng chè phát triển bền vững trong thời gian tới

Doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt Nam cần thay đổi hình ảnh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị. Thúc đẩy các hộ trồng chè trên cả nước tham gia vào chuỗi cung ứng chè bền vững và chất lượng. Đẩy mạnh mô hình sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGap. Xây dựng thương hiệu và đầu tư công nghệ nhằm sản xuất các mặt hàng đủ tiêu chuẩn bởi những quy định về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với mặt hàng xuất khẩu là rất nghiêm ngặt, nhất là tại một số thị trường khó tính như Mỹ, EU...

Tham khảo giá chè thế giới

Giá chè tại Bangladesh tăng tại phiên đấu giá hàng tuần (ngày 19/9/2017), tăng tuần thứ 4 liên tiếp, do nhu cầu đối với chè chất lượng tăng mạnh. Giá chè Bangladesh ở mức trung bình 220,58 taka (tương đương 2,6 USD)/kg, so với 216,17 taka/kg trong phiên đấu giá trước đó, do nhu cầu tăng mạnh và các khách mua hàng sẵn sàng thanh toán, mặc dù nguồn cung cao hơn so với tuần trước đó.

Bảng giá chè tại phiên đấu giá hàng tuần tại Banglades (ngày 19/9/2017)

(Đơn vị tính 1 USD = 80,7 taka)

Mặt hàng	Đơn giá (taka/kg)
BROKENS	
Bold/Large Brokens	210-220
Medium Brokens	215-222
Small Brokens	218-227
Plain Brokens	160-190

THỊ TRƯỜNG CHÈ



Mặt hàng	Đơn giá (taka/kg)
FANNINGS	
Best Fannings	225-230
Good Fannings	218-214
Medium Fannings	203-208
Plain Fannings	160-170
DUST	
Pekoe Dust	
Red Dust	195-268
Dust	202-276
Churamoni Dust	222-266

Nguồn: Reuters

15 doanh nghiệp xuất khẩu chè hàng đầu trong 8 tháng đầu năm 2017

STT	Doanh nghiệp xuất khẩu
1	Cty TNHH Thế Hệ Mới Vĩnh Phúc
2	Cty TNHH một thành viên chè Phú Bền
3	Cty TNHH chè á châu
4	Cty cổ phần xuất nhập khẩu Nam Anh
5	Cty TNHH Kiên và Kiên
6	Cty TNHH Nam Sơn Phú Thọ
7	Doanh Nghiệp TN Phương Nam
8	Cty Cổ Phần Tân Phong
9	Cty Cổ Phần Chè Thiên Phú
10	Hợp tác xã sản xuất kinh doanh chè Tân Lập Mộc châu
11	Cty CP Chè Hà Tĩnh
12	Cty TNHH Chè Hoàng Minh
13	Chi nhánh CtyTNHH sản xuất và kinh doanh thương mại Trường Hải
14	CtyTNHH Thương mại & xuất nhập khẩu Hải Dương
15	Cty TNHH Quốc Tế Swiss Việt Nam

(Sắp xếp thứ tự theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN



- Tháng 9/2017, giá sản lát xuất khẩu được cả Việt Nam và Thái Lan chào bán tăng lên, do lượng tồn kho thấp.
- Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chủ lực sản và sản phẩm sản của Việt Nam, chiếm 88% tổng lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu của cả nước.
- Xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Malaysia tăng mạnh.
- Thị phần sản của Việt Nam trong nhập khẩu của Trung Quốc giảm xuống còn 18,5% từ mức 21,3% của 8 tháng năm 2016.

Giá sản tăng do tồn kho thấp

Tháng 9/2017, giá sản lát xuất khẩu được cả Việt Nam và Thái Lan chào bán tăng lên, do lượng tồn kho thấp. Sản lượng sản vụ mới được dự báo giảm do mùa vụ mới không mấy thuận lợi.

Hiện giá sản xuất khẩu của Thái Lan tăng lên mức 180 USD/tấn FOB, do thông tin sản lượng sản của Thái Lan có thể sẽ tiếp tục giảm so với vụ trước và đồng Bath Thái đang tiếp tục tăng giá so với USD, không thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu.

Hiện giá xuất khẩu sản lát của Việt Nam ở mức 188-189 USD/tấn cho hàng Container và 195 USD/tấn cho hàng tàu. Tại Trung Quốc, nhu cầu nhập khẩu sản lát của Trung Quốc tăng mạnh, đặc biệt cho sản xuất còn khi thuế nhập khẩu còn vào Trung Quốc bị áp mức cao khiến lượng còn nhập khẩu của Trung Quốc đạt thấp.

Tại các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên ngay tại thời điểm bắt đầu vụ sản xuất 2017 – 2018, giá nguyên liệu sản tăng mạnh. Hiện tại, giá bán tinh bột sản được các nhà máy báo đã tăng khoảng 200.000 đồng/tấn so với thời điểm đầu tháng 9/2017. Một số nhà máy buộc phải tạm dừng chạy máy, khi giá bán ra chưa tăng theo biên độ tăng giá của nguyên liệu đầu vào. Các nhà máy tại khu vực miền Trung dự kiến bắt đầu chạy máy trong khoảng tuần đầu tháng 10/2017. Giá sản nguyên liệu về các nhà máy tinh bột tại Tây Ninh có xu hướng tăng do nguồn cung sản nội địa và sản Campuchia đều giảm khá mạnh.

Giá thị trường sản của Việt Nam ngày 22/9/2017

STT	Nội dung	Giá ngày 22/9/2017	Giá ngày 01/9/2017
1	Sản nguyên liệu (trừ bột 30%)		
	Tây Ninh (sản Campuchia và nội địa)	1.980 – 2.200 đ/kg	1.850 – 1.870 đ/kg
	Đắk Lắk	1.700 – 1.850 đ/kg	1.550 – 1.680 đ/kg
	Kon Tum	1.700 – 1.850 đ/kg	1.550 – 1.680 đ/kg

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN



STT	Nội dung	Giá ngày 22/9/2017	Giá ngày 01/9/2017
2	Sắn lát:		
	FOB Quy Nhơn	195 USD/tấn	190 USD/tấn
3	Tinh bột sắn:		
	FOB Hồ Chí Minh	340 – 345 USD/tấn	325 – 330 USD/tấn
	DAF Lạng Sơn	2.330 – 2.450 CNY/tấn	2.300 – 2.400 CNY/tấn
	FOB Bangkok, Thái Lan	345 USD/tấn	340 USD/tấn

Trong 2 tuần đầu tháng 9/2017, có 9 tàu vào lấy hàng sắn lát tại cảng Quy Nhơn và Sài Gòn với tổng khối lượng đạt gần 80.000 tấn. Ước tính, lượng sắn lát tồn kho của Việt Nam tính đến giữa tháng 9/2017 nhiều nhất chỉ còn khoảng 200.000 - 250.000 tấn cho cả tiêu thụ nội địa và xuất khẩu trong 3 tháng cuối năm 2017.

Tại Cảng Riệc, sắn lát nhập khẩu giảm do Campuchia đã vào cuối vụ. Một số đơn vị còn sắn cám đang bán ra với giá 3.950 đồng/kg với hàng chọn và hàng sắn xô giá dao động từ 3.700-3.850 đồng/kg tùy chất lượng hàng. Tuy nhiên, nhu cầu mua sắn lát của các nhà máy cám tại Đồng Nai và Bình Dương hiện đang rất yếu. Do giá sắn lát xuất khẩu tăng nên giá sắn lưu kho giao dịch nội địa hiện được giao dịch phổ biến quanh mức 3.700 đồng/kg cho hàng còn và 3.900 đồng/kg cho hàng cám, giá giao lên xe tại kho.

Giá sắn nhập khẩu về các nhà máy tinh bột tại Tây Ninh được điều chỉnh tăng nhẹ lên mức 1.850-1.900 đồng/kg do nguồn cung có xu hướng giảm với cả sắn của Campuchia và sắn nội địa. Ước tính, sản lượng sắn củ của Tây Ninh năm 2017 có thể giảm tới 50% cả về diện tích và sản lượng so với cùng kỳ năm 2016, do dịch bệnh và thời tiết mưa to và nắng xen kẽ gây thối củ ở rất nhiều diện tích sắn trồng trên đất cát.

Nhà máy tinh bột sắn khu vực Phú Yên bắt đầu hoạt động lại với giá mua sắn cao nhất 1.700 đồng/kg cho sắn 30 độ bột, giảm dần từ 30-50 đồng/kg cho mỗi độ bột thấp hơn. Đối với khu vực Gia Lai, Kon Tum và Đắk Lắk, giá dao động từ 1.550 - 1.700 đồng/kg tùy nhà máy cho sắn 30 độ bột, giảm dần 30 đồng cho mỗi độ bột thấp hơn. Diện tích trồng sắn tại Đắk Lắk niên vụ 2017 - 2018 nhiều khả năng chưa được 20.000 ha do một phần lớn diện tích sắn được chuyển sang trồng mía và các loại cây khác cho giá trị kinh tế cao hơn.

THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẮN



Trong vụ 2016 - 2017, khu vực Tây Nguyên và Campuchia có mưa kéo dài, lượng mưa lớn làm ảnh hưởng đến chất lượng sắn củ (hàm lượng tinh bột giảm). Theo tính toán của thương nhân, giá bình quân các sản phẩm từ sắn vụ 2017 - 2018 sẽ ở mức cao hơn vụ 2016 - 2017 do nguồn sắn củ tươi vụ mới dự báo giảm.

Xuất khẩu sắn sang Trung Quốc tăng về lượng nhưng giá giảm

Theo ước tính, tháng 9/2017 lượng sắn và sản phẩm từ sắn xuất khẩu đạt 300 nghìn tấn, trị giá 82 triệu USD, tăng 5,2% về lượng và tăng 15% về trị giá so với tháng trước đó, tăng 65% về lượng và tăng 49,5% về trị giá so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lượng sắn và sản phẩm từ sắn xuất khẩu ước đạt 2,89 triệu tấn, trị giá 726 triệu USD, tăng 4,5% về lượng nhưng giảm 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, riêng mặt hàng sắn có lượng xuất khẩu ước đạt 126 nghìn tấn, trị giá 21 triệu USD trong tháng 9, giảm 6,3% về lượng và 9,7% về trị giá so với tháng trước đó. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lượng sắn xuất khẩu ước đạt 1,25 triệu tấn, trị giá 209 triệu USD, giảm 1,5% về lượng và giảm 5,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 8/2017, xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn tăng 1,9% về lượng và tăng 2,1% về trị giá so với tháng 7/2017, đạt 285,1 nghìn tấn, trị giá 71,5 triệu USD, nâng lượng sắn và sản phẩm từ sắn xuất khẩu 8 tháng năm 2017 lên 2,5 triệu tấn, trị giá 643,7 triệu USD, tăng 0,3% về lượng nhưng giảm 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Giá xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn trung bình 8 tháng năm 2017 giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2016, xuống còn 248,7 USD/tấn.

Tính riêng mặt hàng sắn, tháng 8/2017 đã xuất khẩu 134,5 nghìn tấn, trị giá đạt 23,2 triệu USD, tăng 4,7% về lượng và tăng 1,9% về trị giá, nâng lượng sắn xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2017 lên 1,1 triệu tấn, trị giá 188,3 triệu USD, giảm 9,5% về lượng và giảm 13,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016.

Ở Việt Nam, sắn cùng lúa và ngô là ba cây trồng được ưu tiên nghiên cứu phát triển trong tầm nhìn chiến lược đến năm 2020 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Hiện nay cây sắn ngày càng nâng cao vị thế cạnh tranh so với nhiều loại cây trồng khác do có tính thích ứng rộng, hướng sử dụng đa dạng (tinh bột, tinh bột biến tính, thức ăn gia súc và nguyên liệu sinh học...). Sắn và sản phẩm từ sắn là mặt hàng tăng trưởng nóng trong những năm qua và phụ thuộc vào nhu cầu nhập khẩu của các nước, do vậy, nghề trồng sắn rất dễ bị động nếu các thị trường giảm nhu cầu nhập khẩu.

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN



Hiện, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chủ lực sản và sản phẩm của Việt Nam, chiếm 88% tổng lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu của cả nước. Trong 8 tháng đầu năm 2017, tổng lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 2,2 triệu tấn, trị giá 555,6 triệu USD, tăng 1,4% về lượng nhưng giảm 6,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Tính riêng tháng 8/2017, lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt 255,1 nghìn tấn, trị giá đạt 63,8 triệu USD.

Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản lớn thứ hai của Việt Nam. 8 tháng đầu năm, lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 67.934 tấn, trị giá 15,4 triệu USD, giảm 5% về lượng và giảm 9,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản 8 tháng đầu năm 2017 đạt 48,3 nghìn tấn, trị giá đạt 8,6 triệu USD, giảm 19,8% về lượng và giảm 25,1% so với cùng kỳ năm trước.

Đáng chú ý, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Malaysia 8 tháng đầu năm 2017 tuy chỉ đạt 39,4 nghìn tấn, trị giá đạt 12,4 triệu USD, nhưng so với cùng kỳ năm 2016 lại có tốc độ tăng mạnh vượt trội, tăng 42,4% về lượng và tăng 26,4% về trị giá.

Thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2017

(Đơn vị tính: Lượng: Tấn; trị giá: USD)

Thị trường	Tháng 8/2017		So với tháng 8/2016 (%)		8 tháng 2017		So với 8 tháng 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Đài Loan	649	232.700	-72,0	-73,0	26.326	8.570.038	-4,5	-16,6
Hàn Quốc	6.612	1.366.578	-63,5	-70,4	67.934	15.420.452	-5,0	-9,7
Malaysia	3.521	1.137.903	35,7	24,8	39.467	12.496.211	42,4	26,4
Nhật Bản	10.234	1.781.729	2.366,0	949,6	48.375	8.690.032	-19,8	-25,1
Philippines	1.500	466.017	-65,3	-68,4	41.150	13.009.610	27,7	9,2
Trung Quốc	255.169	63.805.076	2,4	-8,2	2.274.624	555.681.296	1,4	-6,3
Tổng	285.195	71.559.492	-0,8	-12,2	2.588.206	643.761.115	0,7	-7,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ hội cho xuất khẩu sản

Nhu cầu mua sản lát của thị trường Trung Quốc vẫn có xu hướng tăng, lượng hàng tồn kho của Việt Nam và Thái Lan không nhiều sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu sản chào hàng với giá cao trong thời gian tới. Cùng với đó,

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN



sản lượng sản niên vụ 2017 – 2018 của Việt Nam, Campuchia và Thái Lan đều được dự báo giảm.

Theo đó, niên vụ sản 2017- 2018 được dự đoán sẽ rất khó khăn về vấn đề nguyên liệu do diện tích gieo trồng sản tại nhiều vùng trọng điểm Việt Nam giảm mạnh, trong khi nguồn cung sản nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia cũng ít hơn do nước này thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo một khảo sát gần đây cho thấy, diện tích trồng sản tại Campuchia có thể giảm từ 20-30% do giá sản giao dịch thấp trong năm 2016/2017, khiến bà con chuyển sang trồng mía và điều nhiều hơn. Do vậy, tình hình nguyên nhiên liệu của Việt Nam niên vụ 2017 – 2018 sẽ rất nóng.

Tương tự sản lượng sản của Thái Lan 2017 – 2018 dự kiến cũng giảm khoảng 7,7% xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Theo thông tin từ Hiệp hội thương mại sản vùng Đông Bắc Thái Lan, theo khảo sát diện tích và năng suất trồng sản tại các vùng Đông Bắc và miền Trung Thái Lan, diện tích trồng sản của nước này niên vụ 2017 – 2018 ước giảm tới 9,4% so với niên vụ 2016 – 2017. Việc giá sản giảm sâu trong niên vụ 2016 – 2017 đã khiến cho diện tích trồng sản của Thái Lan bị thu hẹp, thay thế bằng một số loại cây trồng khác. Do đó, dù năng suất thu hoạch sản tăng nhẹ 1,9% thì sản lượng sản của Thái Lan niên vụ 2017 - 2018 vẫn giảm tới 7,7% (tương đương giảm 2,5 triệu tấn) so với vụ trước, đạt 28,6 triệu tấn. Đây là mức sản lượng thấp nhất của Thái Lan kể từ niên vụ 2012 -2013.

Do nguồn cung hạn chế, thị phần sản của Việt Nam trong nhập khẩu của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, thị phần sản của Việt Nam giảm xuống còn 18,5% trong 8 tháng năm 2017 từ mức 21,3% cùng kỳ 2016. Trong khi thị phần của Thái Lan tăng từ 77,1% trong 8 tháng năm 2016 lên đạt 81% trong 8 tháng năm 2017. 8 tháng đầu năm 2017, Trung Quốc tăng nhập khẩu sản từ Thái Lan trong khi nhập khẩu từ Việt Nam và Indonesia giảm.

Nhập khẩu sản của Trung Quốc 8 tháng 2017

Nguồn cung	8 tháng 2017		So với 8 tháng 2016 (%)		Thị phần 8 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá	năm 2017	năm 2016
Thái Lan	4.256.532.887	744.516.426	3,7	-1,1	81,0	77,1
Việt Nam	972.330.334	160.388.090	-14,3	-18,1	18,5	21,3
Indonesia	12.926.948	2.247.753	-83,5	-84,9	0,2	1,5
Cambodia	9.438.000	1.609.542	15,2	10,9	0,2	0,2
Lào	5.205.474	1.855.895	656,1	1.019,9	0,1	0,0
Tổng	5.256.433.643	910.617.706	-1,3	-5,6	100,0	100,0

Nguồn: Customs - info

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN



Bộ Tài chính từ chối nhiều đề xuất xin ưu đãi cho cây sản

Bộ Tài chính đã có công văn trả lời kiến nghị của Hiệp hội sản Việt Nam về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cây sản và sản phẩm sản. Trước đó, Hiệp hội sản đã có văn bản gửi Thủ tướng kiến nghị điều chỉnh mức thuế giá trị gia tăng cho tinh bột sản là 5%, kiến nghị việc áp dụng thuế suất cao đối với xuất khẩu củ sản tươi, kiến nghị điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu củ sản tươi... Tuy nhiên, Bộ Tài chính từ chối các đề xuất này.

Theo Bộ tài chính, về mức thuế giá trị gia tăng: Theo quy định Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thì sản của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng bán ra ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, sản do doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh ở khâu thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng. Sản phẩm sản đã qua chế biến như bột sản, các sản phẩm từ tinh bột sản đang được áp dụng thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%.

Bộ Tài chính khẳng định, đề xuất của Hiệp hội sản về sửa đổi mức thuế suất thuế giá trị gia tăng với tinh bột sản và các sản phẩm đã qua chế biến từ sản thuộc thẩm quyền của Quốc hội và chưa phù hợp với định hướng cải cách chính sách thuế giá trị gia tăng, do đó Bộ Tài chính đề nghị Hiệp hội sản thực hiện theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Về kiến nghị áp dụng thuế suất cao đối với xuất khẩu củ sản tươi, hiện thuế suất thuế xuất khẩu quy định tại Nghị định 122 là 0%. Bộ Tài chính đưa ra các tính toán và cho biết, nhu cầu sản lát khô để sản xuất E100 phục vụ phối trộn xăng E10 đến năm 2020 sử dụng gần hết 2 triệu tấn sản khô nên cần khuyến khích xuất khẩu.

Đồng thời, cây sản là cây xoá đói giảm nghèo của người nông dân đặc biệt là nông dân vùng sâu vùng xa, góp phần ổn định chính trị và quốc phòng do mang lại việc làm và thu nhập cho người nông dân nên việc áp dụng thuế xuất khẩu sẽ dẫn tới người chịu thiệt hại là bà con nông dân trồng sản.

Về kiến nghị điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu củ sản tươi, việc áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi 3% là phù hợp để bảo hộ người nông dân trồng sản trong nước.

Hiệp hội sản trước đó cũng đề xuất về việc áp dụng chính sách tài chính, tín dụng để tạm trữ sản phẩm khi vào chính vụ, tuy nhiên Bộ Tài chính cho rằng, sản là mặt hàng nông sản thông thường do đó Bộ Tài chính đề nghị không thực hiện chính sách tạm trữ mà cây sản và sản phẩm sản được hưởng các chính sách ưu đãi tương tự các sản phẩm nông sản, nông nghiệp theo quy định hiện hành.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



- Giá tôm tại tỉnh Bạc Liêu tăng trên dưới 20.000 đ/kg so với đầu năm do thiếu hụt nguồn cung. Giá tôm tại Cà Mau cũng tăng khoảng 3.000 - 10.000 đ/kg.
- Giá cá tra ổn định ở mức cao.
- Xuất khẩu thủy sản sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng chậm lại và xuất khẩu sang Đức, Australia giảm.
- Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DoC) đã dự kiến sẽ đưa ra mức thuế chung cho các công ty cá tra của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ.
- Tháng 7/2017, thị phần thủy sản của Việt Nam đã cải thiện khi tỷ trọng về lượng tháng 7 đạt 11,01%, cao hơn so với 8,52% của 7 tháng năm 2017.
- Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020

Giá tôm nguyên liệu tại Bạc Liêu và Cà Mau tăng, giá cá tra ổn định ở mức cao

Trong 6 tháng gần đây giá tôm nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giữ ổn định và có chiều hướng tăng dần tháng sau cao hơn tháng trước. Hiện tại, giá tôm sú, tôm thẻ tăng trung bình trên dưới 20.000 đồng/kg so với đầu năm. Cụ thể, giá tôm sú nguyên liệu được thương lái mua tận hộ dân, loại 20 con/kg từ 260.000-270.000 đồng/kg, loại 30 con giá từ 215.000-225.000 đồng/kg, loại 40 con từ 170.000-185.000 đồng/kg; tôm thẻ loại 35-40 con giá từ 145.000-150.000 đồng/kg, loại 80-100 con có giá từ 102.000-112.000 đồng/kg... Trong đó, giá tôm sú nguyên liệu loại cỡ lớn tăng mạnh nhất, hiện tăng khoảng 20% so với cùng kỳ; riêng tôm thẻ chân trắng tăng trung bình khoảng 20.000 đồng/kg. Loại tôm sú sống chạy ôxy có giá bán cao hơn tôm ướp đá từ 10.000 - 30.000 đồng/kg. Cùng với đó, giá các loại tôm đất, bạc cũng đứng ở mức cao, nhất là tôm đất sống, loại 1 luôn khan hiếm hàng, có giá khoảng 150.000 đồng/kg, tôm bạc dao động từ 60.000- 70.000 đồng/kg loại lớn.

Giá tôm nguyên liệu tại tỉnh Bạc Liêu tăng do nguồn cung thiếu. Hơn nữa phần lớn diện tích nuôi tôm quảng canh đang vào mùa cải tạo ao đầm, đối với diện tích nuôi tôm công nghiệp thì độ nước mặn trong ao chưa đủ để thả nuôi. Riêng sản lượng tôm khai thác, đánh bắt trên biển không tăng nhiều so với cùng kỳ, trong khi đó gần đây các doanh nghiệp trên địa bàn nhận được nhiều đơn đặt hàng mới, nhu cầu thị trường xuất khẩu các mặt hàng tôm chế biến, đông lạnh có chiều hướng tăng vào những tháng cuối năm và đầu năm mới.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



Tại Cà Mau, từ đầu tháng 9, giá tôm sú và thẻ chân trắng có xu hướng tiếp tục tăng lên. Cụ thể, tôm sú loại 30 con/kg có giá dao động từ 210.000- 215.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg; tôm thẻ chân trắng loại 100 con/kg có giá dao động từ 104.000-105.000 đồng/kg, tăng 3.000 đồng/kg. Giá tôm nguyên liệu đang có xu hướng tăng, diện tích nuôi tôm tăng nhanh, kéo theo sản lượng thủy sản tăng cao.

Do tôm được giá, tại các tỉnh ĐBSCL diện tích nuôi tôm đang phát triển rất nhanh, hiện đạt gần 630.000 ha, chiếm trên 75% diện tích nuôi tôm của cả nước.

Bên cạnh đó, giá cá tra cũng đang ổn định ở mức cao. So với cùng kỳ năm 2016, giá cá tra đã tăng từ 4.000 - 5.000 đồng/kg. Cụ thể, tại các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, cá tra nguyên liệu đang được thương lái thu mua với giá từ 22.000 - 25.000 đồng/kg tùy loại. Giá cá tra ở mức cao là nhờ nhu cầu thu mua nguyên liệu từ các doanh nghiệp tăng. Thêm vào đó, sản phẩm cá tra của Việt Nam được cải thiện về chất lượng và vào được các phân khúc cấp cao nên có giá bán tốt, tạo điều kiện giữ giá nguyên liệu ở mức ổn định. Dự báo, trong các tháng tới giá cá tra nhiều khả năng tiếp tục ổn định ở mức hiện nay hoặc có thể giảm nhẹ do xuất khẩu sang các thị trường lớn đang gặp nhiều khó khăn. Do đó người nuôi và doanh nghiệp cần nắm bắt thông tin thị trường để cân đối diện tích và sản lượng nuôi cho phù hợp.

Xuất khẩu thủy sản tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước

Theo ước tính, tháng 9/2017 kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 750 triệu USD, giảm 10,8% so với tháng trước đó, nhưng tăng 14% so với tháng 9/2016. Lũy kế 9 tháng 2017, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 5,96 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 8/2017 kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 840,9 triệu USD, tăng 5,6% so với tháng trước đó và tăng 25,2% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 8 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 5,2 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

8 tháng đầu năm, các doanh nghiệp đã xuất khẩu thủy sản sang 163 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong đó, mặc dù tăng trưởng chậm, nhưng Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch 8 tháng đầu năm đạt 922 triệu USD, chỉ tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 8/2017, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Mỹ đạt 128,8 triệu USD, giảm 15,2% so với tháng trước và giảm 10,7% so với tháng 8/2016.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



Trung Quốc là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 2 của Việt Nam trong tháng 8/2017 với kim ngạch đạt 127,4 triệu USD, tăng 15,4% so với tháng trước và tăng 95,6% so với tháng 8/2016. Lũy kế 8 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc đạt 676,1 triệu USD, tăng 61% so với cùng kỳ năm trước.

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 3 trong tháng với kim ngạch đạt 124,7 triệu USD, tăng 6% so với tháng trước và tăng 12,7% so với tháng 8/2016. Tính chung 8 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản đạt 830,6 triệu USD, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2016.

Nhìn chung, 8 tháng đầu năm 2017, xuất khẩu thủy sản sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm trước, trong khi xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng chậm lại, xuất khẩu sang Đức, Australia giảm. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ 8 tháng đầu năm 2017 tăng trưởng chậm do xuất khẩu tôm và cá tra gặp khó khăn. Việc Mỹ áp thuế chống bán phá giá đối với tôm và cá tra Việt Nam khiến cho các mặt hàng này bị giảm khả năng cạnh tranh so với các đối thủ. Trong khi đó, việc Australia cấm nhập khẩu tôm trong 6 tháng đầu năm cũng đã có ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm.

Thị trường xuất khẩu thủy sản tháng 8 và 8 tháng năm 2017

Thị trường	Tháng 8/2017 (USD)	So với tháng 7/2017 (%)	So với tháng 8/2016 (%)	8 tháng 2017 (USD)	So với cùng kỳ 2016 (%)
Mỹ	128.861.508	-15,2	-10,7	922.024.224	1,3
Nhật Bản	124.700.029	6,0	12,7	830.600.591	27,9
Trung Quốc	127.421.982	15,4	95,6	676.100.478	61,0
Hàn Quốc	77.535.063	9,6	24,1	478.450.913	27,4
Thái Lan	23.581.139	-5,8	6,3	160.987.521	3,7
Hà Lan	35.455.349	16,9	85,9	167.071.758	32,7
Anh	27.921.212	1,9	27,4	164.665.231	29,7
Canada	28.269.028	35,4	24,4	136.196.724	20,6
Đức	18.939.517	0,1	26,6	112.557.989	-4,0
Australia	15.346.989	8,0	-9,5	108.029.959	-3,8
Hồng Kông	13.668.136	0,5	-6,0	101.596.953	1,3
Bỉ	20.096.632	27,1	130,0	99.229.441	23,8
Italia	14.792.919	8,2	26,4	93.985.332	14,0
Đài Loan	13.365.838	41,1	26,0	72.305.949	8,9
Mêhicô	12.043.399	12,4	31,6	78.996.161	33,7

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



Thị trường	Tháng 8/2017 (USD)	So với tháng 7/2017 (%)	So với tháng 8/2016 (%)	8 tháng 2017 (USD)	So với cùng kỳ 2016 (%)
Pháp	11.098.993	22,2	47,0	70.496.909	8,0
Singapore	8.096.314	-10,0	-12,4	65.061.169	-0,6
Philippin	11.329.520	-7,4	53,6	75.316.212	50,9
Braxin	7.359.992	-17,9	117,2	70.950.732	65,5
Nga	14.738.466	123,8	76,2	62.652.230	24,8
Malaysia	9.842.205	11,5	69,8	63.459.152	31,2
Tây Ban Nha	6.450.298	19,0	5,8	44.309.070	-21,3
Arập Xêút	5.794.384	-0,9	1,8	43.242.979	3,3
Israel	7.159.987	-8,2	28,5	52.761.718	89,8
Côlômbia	3.982.241	-4,6	-32,3	38.273.021	-2,0
UAE	3.805.566	0,0	15,3	31.929.489	-8,7
Đan Mạch	10.888.855	48,5	177,6	44.304.617	123,0
Bồ Đào Nha	4.492.272	-13,6	19,3	28.985.615	-3,4
Thụy Sĩ	3.246.060	-37,8	-33,8	28.364.327	11,2
Âi Cập	4.033.675	37,6	-9,1	19.914.645	-35,4
Ấn Độ	1.706.132	17,9	26,2	12.654.310	1,2
Li Băng	1.450.998	-7,1	-8,0	11.767.345	1,1
Ba Lan	3.199.920	35,4	73,9	12.675.104	27,7
New Zealand	1.351.960	5,8	-8,1	10.788.672	-5,4
Chilê	1.657.067	7,2	7,8	12.826.304	66,8
Thụy Điển	1.354.760	-30,5	105,9	9.435.149	-13,0
Pakistan	2.204.198	97,0	77,5	10.450.164	32,8

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng: 8 tháng đầu năm 2017, mặc dù xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ và Australia giảm, nhưng xuất khẩu mặt hàng vẫn tăng tới 14,68% về lượng và tăng 22,9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 239,6 nghìn tấn, trị giá 2,3 tỷ USD nhờ xuất khẩu sang Nhật Bản, EU và Trung Quốc tăng mạnh. Tháng 8/2017, kim ngạch xuất khẩu tôm các loại tiếp tục tăng mạnh với mức tăng 36,1% so với tháng 8/2016, đạt 414,2 triệu USD. Lượng tôm xuất khẩu tháng 8 cũng tăng 19,2% so với tháng 8/2016, đạt 40,9 nghìn tấn.

Cá tra, cá basa là mặt hàng thủy sản xuất khẩu đạt kim ngạch lớn thứ 2, nhưng lại là mặt hàng có lượng xuất khẩu cao nhất với 76,3 nghìn tấn, trị giá 154,7 triệu USD trong tháng 8, giảm 5,64% về lượng và tương đương về trị giá so với tháng 8/2016. Lũy kế 8 tháng đầu năm, lượng cá tra, cá basa xuất khẩu đạt 556,2 nghìn tấn, trị giá 1,1 tỷ USD, tăng 2,7% về lượng và tăng 7,15% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



Lượng cá đông lạnh xuất khẩu tháng 8/2017 đạt 30,1 nghìn tấn, trị giá 105,2 triệu USD, tăng 15,69% về lượng và tăng 20,36% về trị giá so với tháng 8/2016. 8 tháng đầu năm, lượng cá đông lạnh xuất khẩu đạt 203,8 nghìn tấn, trị giá 736,5 triệu USD, tăng 15,7% về lượng và tăng 16,8% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ yếu tháng 8 và 8 tháng 2017

Mặt hàng	Năm 2017				Năm 2017 so với năm 2016 (%)			
	Tháng 8		8 tháng		Tháng 8		8 tháng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng cộng	198.068	840.785	1.296.046	5.235.401	9,84	24,27	10,42	19,49
Cá tra, basa	76.356	154.710	556.191	1.145.482	-5,64	0,00	2,70	7,15
Tôm các loại	40.956	414.218	239.651	2.325.960	19,20	36,11	14,68	22,90
Cá đông lạnh	30.141	105.209	203.805	736.552	15,69	20,36	15,70	16,81
Chả cá	11.929	22.440	83.248	156.033	1,58	-1,93	1,86	0,57
Cá đóng hộp	9.509	21.579	54.133	148.739	39,36	-1,25	24,13	23,30
Cá khô	9.117	19.485	37.979	114.313	48,26	40,52	33,19	43,95
Mực các loại	6.183	38.134	37.479	244.126	67,04	50,46	52,41	60,65
Bạch tuộc các loại	6.460	33.588	28.970	159.356	106,86	119,48	28,26	50,68
Nghêu các loại	3.267	6.618	25.675	52.679	13,11	24,70	18,68	32,85
Mắm	1.377	1.485	8.736	10.847	42,36	20,86	77,45	33,99
Ghẹ các loại	610	8.047	5.661	44.524	-26,52	-15,40	-14,24	-4,00
Cua các loại	349	3.931	2.478	21.713	-38,45	-36,25	-22,95	-21,99
Trứng cá	309	3.891	2.042	26.087	25,99	28,51	85,16	90,95
Ruốc	470	585	1.800	4.430	81,69	20,87	2,08	25,19
Ốc các loại	161	485	1.215	3.681	5,76	-5,45	2,70	5,86
Sò các loại	104	794	965	6.666	177,80	387,56	16,58	16,12
Thủy sản làm cảnh	72	554	626	4.700	0,37	2,92	20,68	-0,32
Thủy sản khác	696	5.031	5.392	29.512	-51,10	26,93	24,77	27,08

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu thủy sản 3 tháng cuối năm 2017

Với đà tăng trưởng khả quan trong 9 tháng đầu năm, 3 tháng cuối năm xuất khẩu thủy sản sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt. Đặc biệt là tình hình xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... nhiều khả năng vẫn duy trì

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



tốc độ tăng trưởng cao. Việc đồng Yên Nhật Bản tăng giá so với USD và các ngoại tệ khác sẽ tiếp tục hỗ trợ xuất khẩu thủy sản của ta do giá thủy sản xuất khẩu bằng đồng USD sẽ rẻ hơn khi vào thị trường Nhật Bản.

Với thị trường Trung Quốc, nhu cầu tiêu thụ thủy sản đang tăng rất mạnh. Sự gia tăng dân số, nhất là tăng tỷ lệ dân số thuộc tầng lớp trung lưu (dự kiến đến năm 2022, tầng lớp trung lưu chiếm 54% dân số Trung Quốc), làm gia tăng mạnh nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Tiêu thụ thủy sản ở khu vực thành thị của Trung Quốc hiện đã vượt mức 40 kg/người/năm. Nhiều khả năng đến năm 2020, tiêu thụ thủy sản bình quân ở Trung Quốc sẽ đạt 35,9 kg/người. Trong khi đó, nguồn cung nội địa của nước này ngày càng không đáp ứng được nhu cầu. Về khai thác, Trung Quốc đang có chủ trương giảm đánh bắt từ tự nhiên để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Nuôi trồng thủy sản ở Trung Quốc cũng đang gặp khó khăn về nhân công, đất đai, dịch bệnh... Chính vì vậy, để đáp ứng nhu cầu trong nước và nguyên liệu cho các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, Chính phủ Trung Quốc đang có những chính sách khuyến khích nhập khẩu thủy sản. Đây cũng là một điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Trung Quốc. Theo cơ quan Hải quan Trung Quốc, 6 tháng đầu năm nay, kim ngạch nhập khẩu thủy sản của nước này đạt 4,2 tỷ USD, tăng 17% so cùng kỳ năm 2016. Dự kiến trong cả năm 2017, Trung Quốc sẽ nhập khẩu 8 tỷ USD mặt hàng thủy sản. Trong đó, cá tra Việt Nam là một trong những mặt hàng thủy sản mà Trung Quốc đang có xu hướng tăng nhập khẩu mạnh nhất.

Với Hàn Quốc, hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc tiếp tục phát huy tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Trong các tháng cuối năm, xuất khẩu thủy sản sang Hàn Quốc nhiều khả năng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trên 20% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm lại do thủy sản Việt Nam bị giảm khả năng cạnh tranh bởi phải chịu thuế chống bán phá giá. Việc cá tra xuất khẩu sang thị trường Mỹ phải kiểm tra 100% lô hàng theo quyết định của Cục Thanh tra an toàn thực phẩm - FSIS thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ kể từ ngày 2/8/2017, đã khiến giá nhập khẩu vào thị trường này tăng đáng kể. Giá tăng là do việc phía Mỹ kiểm tra 100% các lô hàng cá da trơn nhập khẩu đã đẩy chi phí tăng mạnh. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP), giá cá tra xuất sang Mỹ hiện đã gần đạt mức 2 USD/pao (1 pao gần 0,45 kg), tức gần 4 USD/kg. Dự báo giá xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ sẽ vẫn tiếp tục tăng trong vài tháng tới và lên trên 2 USD/pao. Hiện chỉ có 3-4 doanh nghiệp chính còn tiếp tục bám trụ tại thị trường Mỹ với sản phẩm

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



xuất khẩu chủ yếu là cá tra cắt khúc, cá tra phile đông lạnh, cá tra cuộn đông lạnh, cá tra phile tẩm bột, cá tra bỏ đầu, khứa khoanh, cá tra bỏ đầu xẻ bướm và cá tra nguyên con đông lạnh.

Bên cạnh đó, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DoC) đã dự kiến sẽ đưa ra mức thuế chung cho các công ty cá tra của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ. Theo đó, mức thuế chống bán phá giá dành cho các công ty sẽ giống nhau từ tháng 3/2018.

Thị phần thủy sản Việt Nam tại Mỹ được cải thiện

Theo thống kê từ NMFS, nhập khẩu thủy sản của Mỹ tháng 7/2017 đã lập kỷ lục khi đạt 2 tỷ USD/tháng. Cụ thể, lượng thủy sản nhập khẩu vào Mỹ trong tháng 7/2017 đạt 252,7 nghìn tấn với trị giá đạt 2,006 tỷ USD, tăng 4,48% về lượng và 14,19% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 7/2017, nhập khẩu thủy sản vào Mỹ tăng 2,2% về lượng và 11,49% về trị giá so với cùng kỳ năm trước với lượng đạt 1,63 triệu tấn và trị giá đạt 12,46 tỷ USD. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Mỹ trong tổng số 137 thị trường cung cấp.

Tháng 7/2017, thị phần thủy sản của Việt Nam đã cải thiện khi tỷ trọng về lượng tháng 7 đạt 11,01%, cao hơn so với 8,52% của 7 tháng năm 2017.

Dự báo, nhập khẩu thủy sản vào Mỹ năm 2017 sẽ tăng kỷ lục về trị giá ước vượt ngưỡng 20 tỷ USD. Do nhu cầu tiêu dùng thủy sản tăng mạnh ở Mỹ, đặc biệt là các sản phẩm thủy sản có trị giá cao và giá nhập khẩu cao khi phải tăng chi phí giám sát...

Nhập khẩu thủy sản của Mỹ từ 10 thị trường lớn tháng 7 và 7 tháng năm 2017

Thị trường	Tỷ trọng năm 2017 (%)				Năm 2017				So năm 2017 với năm 2016 (%)			
	Tháng 7		7 tháng		Tháng 7		7 tháng		Tháng 7		7 tháng	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	100	100	100	100	252.715	2.006.265	1.592.229	12.314.576	8,2	15,5	2,7	11,6
Trung Quốc	19,97	12,1	20,39	12,63	50.465	242.831	324.715	1.555.208	17,2	27,5	2,7	9,2
Canada	12,94	19,69	11,97	16,89	32.693	395.059	190.590	2.079.926	-8,8	8,2	-3,8	4,8
Việt Nam	11,01	7,81	8,52	6,11	27.836	156.767	135.636	752.678	36,2	38,6	-3,7	-1,2
Thái Lan	7,7	6,59	7,42	6,01	19.450	132.143	118.091	740.487	4,4	11,8	-8,9	-0,1
Ấn Độ	8,5	10,63	7,25	8,93	21.475	213.240	115.477	1.099.957	45	54,3	53,1	60
Chile	6,81	8,36	7,19	9,29	17.198	167.703	114.546	1.144.240	7,4	20	0,2	24,8
Indonesia	6,26	8,55	6,56	8,52	15.832	171.523	104.384	1.049.459	-15,4	0,5	-5,2	6,5
Ecuador	4,08	3,69	4,24	3,93	10.305	73.934	67.589	484.420	1,8	2,5	0,3	3,6
Na Uy	2,6	2,85	3,51	3,83	6.563	57.118	55.852	471.115	35,5	26,6	29,4	34
Mexico	2,28	1,84	2,69	2,26	5.761	36.993	42.893	278.404	5,1	12,8	2	-4

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020

Trong dài hạn, với sự quan tâm của Chính phủ, ngành thủy sản Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển. Mới đây, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Quyết định 1434/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020.

Chương trình nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững ngành Thủy sản, phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, hội nhập vững chắc vào nền kinh tế quốc tế gắn với bảo vệ nguồn lợi, môi trường sinh thái, từng bước nâng cao thu nhập và mức sống của ngư dân và góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc. Phấn đấu đến năm 2020 tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân hằng năm đạt 6,0%; tổng sản lượng thủy sản đạt từ 6,5 - 7 triệu tấn; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt từ 8 - 9 tỷ USD.

Để thực hiện chương trình, các nhiệm vụ được đặt ra là: Nâng cao năng lực nghiên cứu, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa hệ thống sản xuất giống thủy sản hàng hóa, giống các đối tượng chủ lực (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, rô phi, ngao), trong đó, đầu tư hạ tầng cơ sở nghiên cứu, vùng sản xuất giống tập trung, phát triển đàn tôm bố mẹ, cá tra, rô phi chất lượng kháng bệnh.

Mở rộng ứng dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) cho các vùng nuôi thâm canh, các đối tượng nuôi chủ lực, có cơ sở hạ tầng đồng bộ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và các tỉnh duyên hải miền Trung với đối tượng nuôi chủ lực (cá tra, tôm lợ, nhuyễn thể, rô phi) để đảm bảo 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đầu tư hạ tầng phát triển vùng nuôi biển phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng ven biển, đảo (tôm hùm, cá biển, nhuyễn thể một hai mảnh vỏ); đầu tư hệ thống quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh thủy sản (3 trung tâm tại 3 vùng).

Kiểm soát chất lượng và sử dụng hợp lý thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc hóa chất trong nuôi trồng thủy sản, cụ thể, đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm và khảo nghiệm vật tư, giống thủy sản cho nuôi trồng thủy

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN



sản theo yêu cầu thực tiễn, đảm bảo yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm hợp chuẩn, hợp quy để phục vụ quản lý vật tư, giống đưa vào nuôi trồng thủy sản.

Về phát triển chế biến, thương mại thủy sản, phát triển chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguyên liệu là các đối tượng nuôi và khai thác chủ lực có tỷ trọng lớn của Việt Nam; xây dựng và phát triển một số thương hiệu mạnh trước mắt là tôm, cá tra, nhuyễn thể, rô phi, cá ngừ đại dương; nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; đồng thời khôi phục và phát triển các làng nghề chế biến thủy sản truyền thống; kiểm soát, quản lý chất lượng các sản phẩm chế biến thủy sản đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước; phát triển thị trường, tháo gỡ các rào cản thương mại.

Bên cạnh đó, Chương trình có nhiệm vụ đầu tư phát triển khai thác thủy sản; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

15 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đạt kim ngạch cao 8 tháng năm 2017

STT	Tên công ty
1	Cty Cổ Phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang
2	Cty CP Vĩnh Hoàn
3	Cty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú
4	Cty Cổ Phần Thủy Sản Sóc Trăng
5	Cty CP Chế Biến Và Dịch Vụ Thủy Sản Cà Mau
6	Cty TNHH Kinh Doanh Chế Biến Thủy Sản Và XNK Quốc Việt
7	Cty TNHH Xuất Nhập Khẩu Song Toàn
8	Cty Cổ Phần Hùng Vương
9	Cty Cổ Phần Thực Phẩm Sao Ta
10	Cty TNHH Thủy Sản Biển Đông
11	Cty TNHH Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Trang Khanh
12	Cty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Ngọc Long
13	Cty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
14	Cty CP Nam Việt
15	Cty CP Hải Việt

(Sắp xếp thứ tự theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI



+ Sản lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu qua cửa khẩu Móng Cái tuần qua tăng 8% so với tuần trước.

+ Xuất khẩu tinh bột sắn tăng khoảng 20% so với thời gian trước đó.

+ Giá một số chủng loại thủy, hải sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc qua cửa khẩu phía Bắc dự báo tăng trung bình từ 6-8%.

Mưa, bão, lũ ảnh hưởng lớn đến việc khai thác mỏ cao su thiên nhiên chế biến ra sản phẩm xuất khẩu đã tạm thời chấm dứt. Các đơn vị chuyên chế biến mỏ cao su nguyên khai ở khu vực Nam Bộ đều tăng công suất hoạt động từ 10% trở lên. Tuần từ 14 – 21/9/2017, sản lượng xuất khẩu cao su thiên nhiên sang Trung Quốc đạt 16.450 tấn, tăng 8% so với tuần trước. Đáng chú ý, cao su SVR3L vẫn đạt mức cao nhất là 73% tổng sản phẩm xuất khẩu trong tuần và giữ giá ổn định 18.500 NDT/tấn. Các sản phẩm SVR5, SVRL, SVR CV50, SVR CV60 cũng được nâng cao hơn về chất lượng theo thỏa thuận hai bên đã tăng giá tương ứng 1,3% so với trước đây.

Hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường phía Nam Trung Quốc trong tháng 9/2017 tập trung là tinh bột sắn, các loại hạt chất lượng và giá trị cao. Trong đó, tinh bột sắn đạt sản lượng xuất khẩu trong tuần khoảng 3.100 tấn, tăng khoảng 20% so với trước. Về mặt chất lượng sản phẩm giao hàng, đối tác nhập khẩu Trung Quốc kiểm tra nghiêm ngặt. Các lô hàng đều phải đảm bảo đúng tiêu chí đã thỏa thuận trong hợp đồng, như tỉ lệ tinh bột 70%, độ trắng 91% trở lên, độ ẩm dưới 14,5%, tạp chất 3%, chất xơ 5%. Giá các lô hàng đạt tiêu chuẩn tăng mỗi tấn 30NDT so với giá cuối tháng 6/2017 là 2.160 NDT/tấn. Theo ước tính, nhu cầu nhập khẩu tinh bột sắn của các đối tác Trung Quốc trong tháng 9 này tăng khoảng 20% so với quý II năm nay.

Xuất khẩu trái cây vẫn duy trì nhịp độ tăng, mặt hàng có sức thu hút mạnh nhất các đối tác nhập khẩu Trung Quốc là xoài Cát Chu, xoài Hòa Lộc là xoài của hai vùng trồng nổi tiếng nhất của miền Nam Việt Nam. Thanh Long là loại trái cây các đối tác có nhu cầu không giới hạn về số lượng giao dịch. Các loại trái cây như măng cụt, nhãn, bưởi da xanh đang là sản phẩm được xuất khẩu mạnh sang thị trường Trung Quốc.

THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI



Về xuất khẩu thủy, hải sản tính đến giữa tháng 9/2017, sản lượng giao hàng qua cửa khẩu Móng Cái tăng gấp 1,2 lần so với cùng kỳ năm 2016. Số doanh nghiệp và thương gia Trung Quốc có mặt tại cửa khẩu Đông Hưng – Móng Cái để xúc tiến giao dịch nhập khẩu các mặt hàng thủy, hải sản của Việt Nam hiện có 57 đơn vị. Về phía xuất khẩu đã có nhiều nỗ lực gia tăng sản lượng cá, tôm, mực bảo quản dưới các hình thức cấp đông, đông lạnh tươi và sống nguyên dạng để giao cho các khách hàng theo hợp đồng đã ký từ đầu tháng 9/2017. Sản lượng các sản phẩm xuất khẩu đã đạt mức 9.400 tấn/tuần, tăng hơn 140 tấn so với tuần trước. Theo dự báo, trong các tuần từ nay đến giai đoạn đầu tháng 10/2017 sản lượng các sản phẩm thủy, hải sản tham gia xuất khẩu sẽ đạt từ 9.500 tấn đến 9.700 tấn. Về giá cả, dự báo các sản phẩm có tính “đặc sản” giá trị dinh dưỡng cao, tăng trung bình 6-8%, giá các sản phẩm “đại trà” ổn định.

Xuất khẩu phụ phẩm nông, hải sản các loại được đẩy mạnh đáng kể từ giữa tháng 9/2017 đến nay và có khả năng kéo dài đến hết tháng này. Có khoảng 5 loại phụ phẩm nông nghiệp tham gia xuất khẩu là các loại hạt kê, thầu dầu, đậu đỗ, hạt điều, hạt sen, giá trung bình 4,5 NDT/kg. Hiện nay lượng giao cho các đối tác nhập khẩu đạt 180 tấn/ngày. Phụ phẩm thủy sản tham gia xuất khẩu có mai mực nang, mực lá, mực ống, giá 5,5 NDT/kg. Còn có các loại vỏ tôm (Ki tin), vỏ con trai biển có màu sà cừ, giá 3,2 NDT/kg.

BẢN TIN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Đơn vị xây dựng nội dung: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương.

Đơn vị phối hợp: Cục Xuất nhập khẩu

Mọi thông tin phản hồi xin liên hệ: Tel: (024) 22192875